



Công ty TNHH Kiểm toán An Phú

Tầng 12, Tòa nhà 167, Phố Bùi Thị Xuân

Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: +84 (4) 62 782 904

Fax: +84 (4) 62 782 905

www.anphugroup.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Bích Thủy	Chủ tịch
Ông Hoàng Việt	Ủy viên
Ông Phạm Đình Nhật Cường	Ủy viên
Ông Nguyễn Trí Thành	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Việt	Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Lương	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/03/2012)
Ông Nguyễn Trí Thành	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/07/2012)
Ông Lê Văn Vinh	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/07/2012)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Hoàng Việt
Giám đốc

Huế, ngày 18 tháng 03 năm 2013



Công ty TNHH Kiểm toán An Phú

Tầng 12, tòa nhà 167 Phố Bùi Thị Xuân
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: +84 (4) 62 782 904
Fax: +84 (4) 62 782 905
www.anphugroup.com.vn

Số: 31/2013/AP - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 18 tháng 03 năm 2013 từ trang 05 đến trang 24 bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác, tại Báo cáo kiểm toán số 291/BCKT-AAC ngày 12/03/2012, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với chi phí có liên quan đến Dự án trạm nghiền Quảng Trị đang phản ánh trên khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền 172.381.655.523 đồng cũng như chưa xác định được một cách chắc chắn khoản thu nhập liên quan đến việc chuyển nhượng Dự án trạm nghiền Quảng Trị. Dự án này đã được Công ty bàn giao sang Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn. Trong năm 2012 Công ty đã ghi giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang số tiền 141.856.587.734 đồng là giá trị đã được thỏa thuận thống nhất với Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn như đã trình bày tại thuyết minh số 9 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc đồng thời cũng chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra các ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính nội dung sau:

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Dự án Trạm nghiền xi măng Quảng Trị đã được chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn theo hợp đồng chuyển nhượng số 92A/BCC-TXM ngày 17/05/2011, Công ty đã bàn giao dự án nói trên cho Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn kể từ ngày 16/06/2011. Theo biên bản làm việc ngày 22/2/2012 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn, hai bên thống nhất giá trị thanh toán đợt 1 trên cơ sở các chi phí phát sinh đã được lập biên bản nghiệm thu hoặc đã được kiểm toán với giá trị chưa thuế là 141.856.587.734 đồng. Tổng giá trị chuyển nhượng sẽ được điều chỉnh lại khi báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành của dự án đã được kiểm toán và cấp có thẩm quyền phê duyệt, theo đó số dư khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang của dự án này và các khoản mục có liên quan khác sẽ được điều chỉnh theo.



Vũ Bình Minh

Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0034/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2013

A handwritten signature in blue ink, likely belonging to Ngô Việt Thanh.

Ngô Việt Thanh

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1687/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		162.564.268.757	127.584.624.347
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	17.277.941.276	6.641.463.426
1. Tiền	111		9.277.941.276	6.641.463.426
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		111.465.150.008	106.753.402.888
1. Phải thu của khách hàng	131		110.164.528.224	104.097.057.680
2. Trả trước cho người bán	132		1.020.103.154	459.044.438
5. Các khoản phải thu khác	135	5	459.280.850	2.268.726.351
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(178.762.220)	(71.425.581)
IV. Hàng tồn kho	140	6	21.504.744.653	11.984.038.488
1. Hàng tồn kho	141		21.504.744.653	11.984.038.488
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.316.432.820	2.205.719.545
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		27.285.000	32.609.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.242.270.854	2.129.206.936
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	672.165
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	10.046.876.966	43.231.444
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.805.208.480	175.197.592.277
II. Tài sản cố định	220		32.805.208.480	175.197.592.277
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	2.180.990.603	2.716.786.666
- Nguyên giá	222		34.624.633.570	35.305.890.741
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.443.642.967)	(32.589.104.075)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		177.000.000	177.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(177.000.000)	(177.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	30.624.217.877	172.480.805.611
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			195.369.477.237	302.782.216.624

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ SỐ B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		88.422.426.385	196.677.147.102
I. Nợ ngắn hạn	310		88.422.426.385	196.677.147.102
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	8.924.557.455	-
2. Phải trả người bán	312		50.818.563.089	77.102.471.583
3. Người mua trả tiền trước	313		14.965.664	23.640.142
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	1.820.044.331	2.701.084.168
5. Phải trả người lao động	315		4.520.058.415	6.033.304.969
6. Chi phí phải trả	316	12	4.168.535.326	1.619.214.453
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	13	17.279.459.162	109.139.281.749
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		876.242.943	58.150.038
B. NGUỒN VỐN	400		106.947.050.852	106.105.069.522
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	106.947.050.852	106.105.069.522
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		70.000.000.000	70.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		18.200.000.000	18.200.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.107.768.658	7.900.328.465
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.872.267.751	1.363.430.798
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.007.359.209	752.940.733
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.759.655.234	7.888.369.526
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			195.369.477.237	302.782.216.624

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2012	01/01/2012
1. Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	2.516.029.750	1.862.261.050
2. Nợ khó đòi đã xử lý	49.926.519	-
3. Ngoại tệ các loại (USD)	536,86	7.160,77



Hoàng Việt
Giám đốc

Huế, ngày 18 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Ngọc Minh

Nguyễn Ngọc Minh
Phó phòng PT kế toán

Trần Xuân Trung

Trần Xuân Trung
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	510.029.824.518	485.423.795.951
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5.551.733.527	454.542.600
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	15	504.478.090.991	484.969.253.351
4. Giá vốn hàng bán	11	16	430.775.631.566	410.695.151.821
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		73.702.459.425	74.274.101.530
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	441.383.572	141.774.552
7. Chi phí tài chính	22	18	183.253.731	651.862.113
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.395.218	100.500.000
8. Chi phí bán hàng	24	19	53.974.501.799	48.718.802.487
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	18.932.566.305	20.101.654.393
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		1.053.521.162	4.943.557.089
11. Thu nhập khác	31	21	148.069.210.556	6.120.774.591
12. Chi phí khác	32	22	142.668.270.353	459.513.314
13. Lợi nhuận khác	40		5.400.940.203	5.661.261.277
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.454.461.365	10.604.818.366
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	1.694.806.131	2.716.448.840
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế	60		4.759.655.234	7.888.369.526
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	14	680	1.127



Hoàng Việt
Giám đốc

Huế, ngày 18 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Ngọc Minh

Nguyễn Ngọc Minh
Phó phòng PT kế toán

Trần Xuân Trung

Trần Xuân Trung
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.454.461.365	10.604.818.366
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	533.928.683	651.737.462
- Các khoản dự phòng	03	157.263.158	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	5.710.770	(12.025.868)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(354.997.962)	(130.021.684)
- Chi phí lãi vay	06	12.395.218	100.500.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.808.761.232	11.215.008.276
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(4.869.010.278)	(45.916.241.165)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(9.520.706.165)	(1.662.003.559)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	23.027.975.337	45.475.804.422
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	5.324.000	4.031.400
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	(100.500.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.619.281.307)	(2.591.329.761)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	89.072.672.553	9.291.771.548
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(99.454.346.168)	(3.446.654.133)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.451.389.204	12.269.887.028
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	-	(7.666.373.494)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	49.268.180	273.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	305.729.782	129.748.684
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	354.997.962	(7.536.351.810)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	8.924.557.455	2.300.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(2.300.000.000)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.095.098.540)	(2.094.540.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	6.829.458.915	(2.094.540.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	10.635.846.081	2.638.995.218
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	6.641.463.426	3.990.592.340
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	631.769	12.025.868
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	17.277.941.276	6.641.613.426

Giao dịch phi tiền tệ:

Giá trị chuyển nhượng tạm tính của Dự án trạm nghiền Quảng Trị với số tiền 141.856.587.734 đồng là giao dịch không phát sinh dòng tiền, do đó được loại trừ khỏi báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính.



Hoàng Việt
Giám đốc

Nguyễn Ngọc Minh
Phó phòng PT kế toán

Trần Xuân Trung
Người lập

Huế, ngày 18 tháng 03 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (Công ty Kinh doanh thạch cao xi măng thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam) theo Quyết định số 459/QĐ-BXD ngày 16/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 3103000176 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 17/04/2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần 5 ngày 03/01/2012.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là 70.000.000.000 đồng tương ứng với 7.000.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, trong đó:

- Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam nắm giữ 3.584.525 cổ phiếu tương ứng với 35.845.250.000 đồng, chiếm 51,21 % vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 3.415.475 cổ phiếu tương ứng với 34.154.750.000 đồng, chiếm 48,79% vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 24 đường Hà Nội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Các đơn vị trực thuộc Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2012 bao gồm:

- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng tại nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng tại Quảng Bình;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng tại Hải Phòng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng tại Bim Sơn;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng tại Quảng Trị;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng tại Đà Nẵng.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2012 là 175 người (Tại 31/12/2011 là 184 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

- Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ; Khai thác lâm sản khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng khác; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ và lâm sản khác;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao, nghiền xi măng; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao; kinh doanh xi măng, nhập khẩu và kinh doanh thạch cao các loại;
- Bán buôn tổng hợp; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá; Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ;
- Khách sạn; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn, bổ sung hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty được lập trên cơ sở cộng ngang các số liệu trên Báo cáo tài chính của Chi nhánh Quảng Bình và Văn phòng Công ty sau khi đã loại trừ các khoản phải thu, phải trả và các khoản điều chuyển nội bộ. Toàn bộ số liệu của các Chi nhánh còn lại được hạch toán tại Văn phòng Công ty.

Hình thức ghi sổ kế toán: Hình thức nhật ký chung.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của Công ty. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 tại Thuyết minh số 26.

Ngày 24/10/2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC ("Thông tư 179") thay thế cho Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

Công ty đang áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và điều chỉnh lại tỷ giá sử dụng theo quy định của Thông tư số 179.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành và theo các quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng phải thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Thông tư số 203/2009/TT - BTC của Bộ Tài chính ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

Loại tài sản cố định**Năm**

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí liên quan tới đầu tư xây dựng và chi phí lãi vay có liên quan trong thời kỳ đầu tư xây dựng cơ bản phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Việc tính khấu hao của các tài sản được hình thành từ đầu tư xây dựng này được áp dụng giống như các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái bắt đầu sử dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và doanh nghiệp có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi ra VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngày 24/10/2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Công ty đã áp dụng hướng dẫn của Thông tư này trong việc xử lý chênh lệch tỷ giá cuối kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tuy nhiên, không có bất kỳ tài sản hoặc công nợ thuế hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	698.290.460	346.813.175
Tiền gửi ngân hàng	8.579.650.816	6.294.650.251
Các khoản tương đương tiền (*)	8.000.000.000	-
Cộng	17.277.941.276	6.641.463.426

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế.

5. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền khuyến mại xi măng	-	1.659.696.300
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	26.688.019	-
Phải thu người lao động	-	70.148.898
Phải thu khác	432.592.831	538.881.153
Cộng	459.280.850	2.268.726.351

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	4.863.797.622	3.538.852.518
Nguyên liệu, vật liệu	517.203.848	734.058.325
Công cụ, dụng cụ	1.570.000	2.973.150
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	171.632.098	88.515.072
Hàng hoá	11.990.166.990	5.545.588.626
Hàng gửi đi bán	3.960.374.095	2.074.050.797
Cộng	21.504.744.653	11.984.038.488
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	21.504.744.653	11.984.038.488

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	69.873.093	23.251.808
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.901.903.650	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	75.100.223	19.979.636
Cộng	10.046.876.966	43.231.444

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG
Số 24, đường Hà Nội, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ

Tại ngày 01/01/2012

Mua sắm

XDCB hoàn thành

Thanh lý

Giảm khác

Tại ngày 31/12/2012

Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
VND	VND	VND	VND	VND
19.807.146.794	10.739.897.536	3.501.611.150	1.257.235.261	35.305.890.741
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-
-	-	652.028.600	-	652.028.600
-	-	-	29.228.571	29.228.571
19.807.146.794	10.739.897.536	2.849.582.550	1.228.006.690	34.624.633.570

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2012

Khấu hao trong kỳ

Thanh lý

Giảm khác

Tại ngày 31/12/2012

17.595.165.182	10.635.084.618	3.267.609.418	1.091.244.857	32.589.104.075
364.233.107	42.893.876	63.075.300	63.726.400	533.928.683
-	-	652.028.600	-	652.028.600
-	-	-	27.361.191	27.361.191
17.959.398.289	10.677.978.494	2.678.656.118	1.127.610.066	32.443.642.967

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2012

Tại ngày 31/12/2012

Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn sử dụng

2.211.981.612	104.812.918	234.001.732	165.990.404	2.716.786.666
1.847.748.505	61.919.042	170.926.432	100.396.624	2.180.990.603
14.077.219.743	9.912.131.988	2.382.887.386	1.036.441.780	27.408.680.897

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Dự án trạm nghiền Quảng Trị (*)	30.525.067.789	172.381.655.523
Dự án khác	99.150.088	99.150.088
Cộng	30.624.217.877	172.480.805.611

(*) Dự án Trạm nghiền xi măng Quảng Trị đã được Công ty chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn theo hợp đồng chuyển nhượng số 92A/BCC-TXM ngày 17/5/2011, Công ty đã chính thức bàn giao dự án từ ngày 16/6/2011. Theo Biên bản làm việc ngày 22/2/2012 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn, hai bên thống nhất giá trị thanh toán đợt 1 trên cơ sở các chi phí phát sinh đã được lập biên bản nghiệm thu hoặc đã được kiểm toán với giá trị chưa bao gồm thuế là 141.856.587.734 đồng (thuế GTGT: 14.185.658.774 đồng). Tổng giá trị chuyển nhượng sẽ được điều chỉnh lại khi Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành của Dự án đã được kiểm toán và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

10. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế (*)	8.924.557.455	-
Cộng	8.924.557.455	-

(*) Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 12-037-2009 ngày 30/9/2012, hạn mức vay 20 tỷ, thời hạn duy trì hạn mức từ 30/9/2012 đến 31/8/2013. Thời hạn cho vay cụ thể của từng lần giải ngân được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 3 tháng. Lãi suất cho vay được áp dụng là lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 3 tháng trả lãi cuối kỳ được niêm yết tại bên cho vay cộng với biên độ là 3,8%/năm, tính từ ngày giải ngân lãi suất trên sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/1 lần. Lãi suất phạt quá hạn bằng 50% lãi vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 24 đường Hà Nội, thành phố Huế theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 12-037-2009/HĐTC.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.412.888.836	2.357.432.936
Thuế thu nhập cá nhân	7.233.632	19.254.193
Thuế thu nhập doanh nghiệp	399.921.863	324.397.039
Cộng	1.820.044.331	2.701.084.168

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí vận chuyển thạch cao	546.942.583	570.167.545
Chi phí khuyến mại xi măng	1.200.000.000	824.958.000
Chi phí phải trả khác	2.421.592.743	224.088.908
Cộng	4.168.535.326	1.619.214.453

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.120.885.696	961.995.452
Kinh phí công đoàn	71.508.256	180.528.859
Bảo hiểm xã hội	-	17.743.721
Bảo hiểm thất nghiệp	33.434.200	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	16.053.631.010	107.979.013.717
Cộng	17.279.459.162	109.139.281.749

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG
Số 24, đường Hà Nội, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	
	VND	VND						VND	VND
Tại 01/01/2011	70.000.000.000	18.200.000.000		33.529.682	7.451.141.709	1.315.303.645	680.750.004	2.807.417.229	2.807.417.229
Tăng trong năm	-	-	-	-	449.186.756	48.127.153	72.190.729	7.888.369.526	7.888.369.526
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	2.807.417.229	2.807.417.229
Giảm trong năm	-	-	-	33.529.682	-	-	-	-	-
Tại 31/12/2011	70.000.000.000	18.200.000.000		-	7.900.328.465	1.363.430.798	752.940.733	7.888.369.526	7.888.369.526
Tại 01/01/2012	70.000.000.000	18.200.000.000		-	7.900.328.465	1.363.430.798	752.940.733	7.888.369.526	7.888.369.526
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	3.207.440.193	508.836.953	254.418.476	4.759.655.234	4.759.655.234
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	7.888.369.526	7.888.369.526
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tại 31/12/2012	70.000.000.000	18.200.000.000		-	11.107.768.658	1.872.267.751	1.007.359.209	4.759.655.234	4.759.655.234

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 của Công ty số 592/NQ - ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 03 năm 2012 đã thống nhất chia cổ tức năm 2011 bằng tiền với tỷ lệ 4% vốn điều lệ tương ứng với số tiền 2.800.000.000 đồng. Công ty đã tiến hành chi trả 3% cổ tức trong tháng 08/2012 tương ứng với số tiền 2.095.098.540 đồng, số cổ tức còn lại sẽ được chi trả vào năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

Số 24, đường Hà Nội, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Cổ phiếu

		<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	cổ phiếu	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	cổ phiếu	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	cổ phiếu	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	cổ phiếu	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	cổ phiếu	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	cổ phiếu	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	cổ phiếu	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	đồng/cổ phiếu	10.000	10.000

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	7.000.000	7.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	4.759.655.234	7.888.369.526
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	680	1.127

15. DOANH THU

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng hóa	503.859.619.065	478.930.611.862
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.170.205.453	6.493.184.089
Cộng	510.029.824.518	485.423.795.951
Các khoản giảm trừ	5.551.733.527	454.542.600
Doanh thu thuần	504.478.090.991	484.969.253.351

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn bán hàng hóa	423.596.505.910	403.520.619.011
Giá vốn cung cấp dịch vụ	7.179.125.656	7.174.532.810
Cộng	430.775.631.566	410.695.151.821

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	305.729.782	129.748.684
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	113.381.290	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	12.025.868
Chiếu khấu thanh toán được hưởng	22.272.500	-
Cộng	441.383.572	141.774.552

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	12.395.218	100.500.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	124.792.633	551.362.113
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.710.770	-
Chiết khấu thanh toán	40.355.110	-
Cộng	183.253.731	651.862.113

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	2.563.763.578	2.106.819.328
Chi phí vật liệu, bao bì	12.939.163	1.588.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	49.257.380	5.380.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	317.551.394	302.553.292
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.214.032.072	41.520.636.341
Chi phí bằng tiền khác	3.816.958.212	4.781.825.526
Cộng	53.974.501.799	48.718.802.487

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên	10.845.028.554	13.443.136.575
Chi phí vật liệu quản lý	380.950.998	418.113.118
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	23.345.728	119.818.546
Chi phí khấu hao tài sản cố định	711.210.823	645.976.274
Thuế, phí lệ phí	1.636.289.795	460.010.288
Chi phí dự phòng	157.263.158	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.595.320.545	640.786.206
Chi phí bằng tiền khác	3.583.156.704	4.373.813.386
Cộng	18.932.566.305	20.101.654.393

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

21. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu nhập khác từ kinh doanh xi măng	3.633.890.509	5.875.221.822
Thu nhập khác từ kinh doanh thạch cao	6.000.000	103.636.767
Thu nhập từ chuyển nhượng DA trạm nghiền Quảng Trị	141.856.587.734	-
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	49.268.180	273.000
Các khoản thu khác	2.523.464.133	141.643.002
Cộng	148.069.210.556	6.120.774.591

22. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí chuyển nhượng DA trạm nghiền Quảng Trị	141.856.587.734	-
Chi phí thanh lý TSCĐ	1.867.380	174.736.842
Chi phí khác	809.815.239	284.776.472
Cộng	142.668.270.353	459.513.314

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên	14.386.067.046	15.935.475.031
Chi phí vật liệu dụng cụ	2.157.098.856	3.593.059.778
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.498.051.069	651.737.462
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.925.489.352	40.016.033.840
Chi phí bằng tiền khác	9.235.078.628	17.201.866.003
Cộng	76.201.784.951	77.398.172.114

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	6.454.461.365	10.604.818.366
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	324.763.158	260.976.994
Thu nhập chịu thuế	6.779.224.523	10.865.795.360
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Thuế TNDN phải nộp	1.694.806.131	2.716.448.840
Thuế TNDN được miễn giảm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.694.806.131	2.716.448.840

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

Số 24, đường Hà Nội, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Công ty đã có các giao dịch quan trọng với các bên liên quan sau:

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	-	15.569.232.531
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	-	24.297.508.829
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	-	7.200.379.872
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	-	3.943.244.628
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	-	6.930.625.467
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	-	13.036.683.078
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên	7.569.674.772	31.143.450.172
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	343.439.066.483	232.738.984.595
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	122.608.893.650	124.510.124.053
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	1.046.105.912	200.909.090
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	10.945.471.020	15.069.089.462
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	735.412.300	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	5.167.958.126	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	1.046.105.912	-
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên	382.313.833	4.637.971.779
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	80.958.075	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	2.030.656.600	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	693.225.000	-
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	105.721.686.360	98.079.846.143
Trả trước cho người bán		
Công ty Tư vấn Đầu tư phát triển Xi măng	228.369.000	10.869.900
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn		
- Phải trả mua xi măng	9.153.852.843	41.661.558.288
- Phải trả khác	11.514.638.764	104.219.479.747
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	-	8.150.006.471
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam		
- Phải trả phí tư vấn	683.141.800	141.353.754
- Phải trả lãi vay	2.582.222.222	3.148.163.083
- Phải trả khác	358.452.500	79.781.088
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	2.967.220	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 10 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 31/12/2012 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2012 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.277.941.276	6.641.463.426
Phải thu khách hàng và phải thu khác	110.418.358.835	104.564.513.252
Cộng	127.696.300.111	111.205.976.678
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	8.924.557.455	-
Phải trả người bán và phải trả khác	55.819.629.658	81.050.913.603
Chi phí phải trả	2.968.535.326	794.256.453
Cộng	67.712.722.439	81.845.170.056

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của đồng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền cổ gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	11.174.741	149.144.518	9.968.230.648	1.313.905.429
<i>Quản lý rủi ro lãi suất</i>				

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 để trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Theo đó, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2012 là 178.762.220 đồng (tại ngày 31/12/2011 là 71.425.581 đồng).

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

Số 24, đường Hà Nội, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại 31/12/2012			
Các khoản vay	8.924.557.455	-	8.924.557.455
Phải trả người bán và phải trả khác	55.819.629.658	-	55.819.629.658
Chi phí phải trả	2.968.535.326	-	2.968.535.326
Tại 31/12/2011			
Các khoản vay	8.924.557.455	-	8.924.557.455
Phải trả người bán và phải trả khác	81.050.913.603	-	81.050.913.603
Chi phí phải trả	794.256.453	-	794.256.453

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.277.941.276	-	17.277.941.276
Phải thu khách hàng và phải thu khác	110.418.358.835	-	110.418.358.835

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính của Công ty là số liệu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC.



Hoàng Việt
Giám đốc

Huế, ngày 18 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Ngọc Minh
Phó phòng PT kế toán

Trần Xuân Trung
Người lập